

Bản án số: **96/2021/DS-PT**  
Ngày: 25/5/2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Quốc

*Các Thẩm phán:* 1/- Bà Trương Thị Liên.

2/- Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2021/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H.** sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Ngọc T. sinh năm: 1977. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (*văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020*).

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị L.** sinh năm: 1955.

Anh **Nguyễn Văn N.** sinh năm: 1983.

Chị **Nguyễn Thị L1.** sinh năm: 1985.

Cùng thường trú: khu vực L, phường Tân L, quận T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà L ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L1 tham gia tố tụng (*văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021*).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Lê Ngọc T trình bày:

Năm 2017 - 2018 gia đình bị đơn có mua vật tư nông nghiệp của bà H để canh tác 20 công vườn. Lúc đầu do bà Lê Thị L trực tiếp giao dịch, sau đó khi

cần mua thì anh N sẽ chủ động điện thoại đặt hàng với bà H. Khi giao hàng, phía bị đơn ai nhận sẽ trực tiếp ký nhận hàng. Đến ngày 16/8/2018 bị đơn còn nợ tổng cộng 363.464.000đ, nhưng bà H làm tròn số thành 363 triệu.

Do nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không trả, nên ngày 23/11/2018, bà H nộp đơn yêu cầu địa phương nơi bị đơn cư trú giải quyết. Tại buổi hòa giải, bà L thừa nhận còn nợ 262 triệu và có giới thiệu cho bà Lê Thị I (cô U) mua vật tư còn nợ 100 triệu. Tổng cộng số tiền bà L nợ là 363 triệu, bà L có xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ nhưng bà H không đồng ý.

Đến ngày 28/3/2019 anh N có trả bà H 30 triệu và ngày 30/6/2019 trả thêm 40 triệu, nên còn nợ 293 triệu. Nay bà H yêu cầu bà L, anh N, chị L1 liên đới trả số tiền còn nợ 293 triệu và tiền lãi tạm tính từ ngày 02/5/2018 đến 02/11/2020 là 29 tháng x 1%/tháng x 293.000.000đ = 84.000.000đ (làm tròn) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị L1.

*\* Phía bị đơn:*

+ Anh Nguyễn Văn N trình bày: thừa nhận anh có mua vật tư nông nghiệp của bà H để làm 20 công vườn cây ăn trái và còn nợ tổng số tiền 293 triệu. Về hình thức mua bán, thì anh là người trực tiếp giao dịch với bà H, làm sổ mua bán. Sau đó khi cần thì anh điện thoại, bà H sẽ giao phân, thuốc theo yêu cầu đến vườn. Thành viên trong gia đình anh sẽ kiểm tra lại số lượng nếu đủ sẽ ký nhận. Hình thức thanh toán theo mùa (khoảng 08 tháng), cuối mùa thu hoạch trái cây thì trả tiền vật tư. Nay anh đồng ý trả số tiền còn nợ, nhưng xin trả dần nợ gốc mỗi năm 20.000.000đ, không đồng ý trả lãi. Đồng thời anh không đồng ý việc bà H yêu cầu mẹ và em gái anh cùng liên đới trách nhiệm trả nợ, vì họ không liên quan.

+ Bà Lê Thị L trình bày: Con trai bà là anh N trực tiếp canh tác đất và mua vật tư nông nghiệp của bà H, bà không liên quan gì đến việc mua bán này. Tại Biên bản hòa giải của khu vực ngày 23/11/2018, do anh N bận việc nên bà dự thay, bà có trình bày là có nợ bà H số tiền 362 triệu (trong đó phần của bà nợ bà H 262 triệu và nhận nợ thay cho bà Lê Thị I 100 triệu) vì bà biết anh N có nợ bà H, chứ không phải là bà nhận nợ. Bà xác định bà không liên quan việc mua bán nên không đồng ý liên đới trả nợ như bà H yêu cầu. Đồng thời do lớn tuổi đi lại khó khăn nên bà xin được giải quyết vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Việc mua vật tư nông nghiệp để làm vườn là do anh N trực tiếp giao dịch với bà H, chỉ khi anh N bận việc nhờ chị trả tiền dùm chứ chị không liên quan gì đến việc mua bán này. Do đó chị không đồng ý liên đới trả nợ như bà H yêu cầu. Đồng thời do bận việc nên chị xin được giải quyết vắng mặt.

*Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 05/01/2021 đã tuyên:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị L.*

*Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Nguyễn Thị L1.*

*Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 292.000.000đ nợ gốc và 49.640.000đ nợ lãi chậm trả. Tổng cộng số tiền phải trả là 341.640.000đ.*

*Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.*

Ngày 19/01/2021 bị đơn bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác một phần khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ do mua vật tư nông nghiệp. Cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

**\* Về nội dung:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Lê Thị L kháng cáo yêu cầu phúc thẩm loại bỏ trách nhiệm liên đới của bà, vì bà không trực tiếp giao dịch mua bán với nguyên đơn. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Bị đơn Lê Thị L luôn cho rằng bà không trực tiếp giao dịch mua hàng của nguyên đơn, không thiếu nợ nguyên đơn. Việc bà đi dự hòa giải tại khu vực là đi thay anh N và do biết anh N có mua vật tư, có nợ bà H nên bà thừa nhận là thừa nhận việc anh N có nợ chứ không phải thừa nhận bản thân bà nợ. Đánh giá luận điểm này, xét rằng:

- Tại Biên bản hòa giải ngày 23/11/2018 của khu vực L, phường T ghi nhận lời trình bày của bà L như sau: “*Bà có mua vật tư nông nghiệp của bà H đến thời điểm này là 262.000.000 đồng và bà L có giới thiệu cho (Cô U) ở T mua vật tư nông nghiệp của bà H tổng số tiền là 101.000.000 đồng nhưng bà L hứa tới mùa trái cây thu hoạch bà sẽ trả cho bà H theo từng mùa trái cây là số tiền 10.000.000đ và đồng thời bà L cũng sẽ nhận số nợ là 362.000.000đ của bà H*”(BL60).

- Tại Biên bản xác minh ngày 04/8/2020 (BL139) ông Đoàn Thanh S (người chủ trì phiên hòa giải cơ sở ngày 23/11/2018), trình bày xác nhận: bà L đồng ý có nợ bà H tổng số tiền là 362.000.000.000đ và có yêu cầu cho bà trả dần mỗi tháng 10.000.000đ, nhưng bà H không đồng ý.

- Mặt khác, tuy bà L không trực tiếp giao dịch mua bán hay ký nhận nợ với bà H, nhưng việc anh N mua vật tư nông nghiệp canh tác 20 công vườn cây ăn trái cũng là để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống chung của cả gia đình. Vì vậy

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà cùng liên đới nghĩa vụ trả nợ, cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc bà có nghĩa vụ liên đới là đúng, có căn cứ.

Kháng cáo của bị đơn Lê Thị L không có căn cứ nên không được chấp nhận. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: mặc dù kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ:* Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn N và bà Lê Thị L liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 341.640.000đ (trong đó: nợ gốc 292.000.000đ + lãi 49.640.000đ).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, anh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2/- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Nguyễn Thị L1.

3/- Về án phí: Anh N phải chịu 8.541.000đ án phí sơ thẩm; Bà L được miễn án phí sơ và phúc thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại 9.420.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 011931 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Thốt Nốt.
- Chi cục THADS.Thốt Nốt.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)  
**Trần Tuấn Quốc**